

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20 tháng 03 năm 2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Quyên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và bà Lê Thị Bích Hằng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 521/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hán Thị Minh T, sinh năm 1981. (Có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thế T1, sinh năm 1963. (Có mặt).

Cùng cư trú tại: Số 1, đường N, tổ 1A, khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Hán Thị Minh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thế T1 tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/01/2003.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Phúc Th, sinh ngày 30/12/2003 và Nguyễn Phúc Thủy T2, sinh ngày 26/10/2005.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị cam kết vợ chồng không có nợ chung của ai.

Tại phiên tòa, chị T vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Thế T1 vì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Mâu Thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống và tính cách không phù hợp, vợ

chồng không tìm được tiếng nói chung anh T1 không tôn trọng chị, không có sự cảm thông và chia sẻ. Hiện tại tuy chị và anh T1 vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, mạnh ai người đó sống, do vậy tình cảm vợ chồng phai nhạt nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Thế T1.

Về con chung: Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, tạm thời chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu nào khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Thế T1 trình bày:

Anh và chị Hán Thị Minh T tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/01/2003.

Anh thừa nhận giữa anh và chị T không còn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên vì các con còn nhỏ nên cần có tình thương của cha lẫn mẹ, do vậy dù anh và chị T tình cảm không còn nhưng còn nghĩa vợ chồng với nhau nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị T cương quyết muốn ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Phúc Th, sinh ngày 30/12/2003 và Nguyễn Phúc Thủy T2 sinh ngày 26/10/2005. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, tạm thời anh cũng không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tài sản chung không tranh chấp và anh cam kết đến thời điểm này không còn thiếu nợ của ai.

Ngoài ra anh không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hán Thị Minh T; Về quan hệ hôn nhân: cho chị T được ly hôn với anh T1; Về con chung: giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, tạm thời chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Hán Thị Minh T khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn là anh Nguyễn Thế T1, cư trú tại: Số 1, đường N, tổ 1A, khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Hán Thị Minh T đã nộp đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị T trong vụ án này.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa chị Hán Thị Minh T và anh Nguyễn Thế T1 là hợp pháp, vì kết hôn tự nguyện, được UBND có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải, kêu gọi đoàn tụ nhưng không thành do chị T không đồng ý đoàn tụ, anh T1 không đồng ý ly hôn. Xét thấy mục đích của hôn nhân và gia đình là sự gắn kết bằng tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và tin tưởng nhau. Trong khi đó hôn nhân của chị T và anh T1 thực tế hai người đều thừa nhận không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, qua đó càng chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh T1 bế tắc và không thuyết phục được chị T trở về đoàn tụ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn và chấp thuận cho chị T được ly hôn với anh T1.

2.2 Về con chung: Cả chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con. Việc mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con là nguyện vọng chính đáng của các bên đương sự. Nhưng xét thấy qua các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, anh T1 đều thừa nhận chị T là người nuôi dạy và chăm sóc các con rất tốt từ khi sinh các cháu ra cho đến nay, đồng thời cả cháu Th và cháu T2 cũng đều có nguyện vọng được sống cùng chị T. Xét quyền lợi về mọi mặt của con thì tại thời điểm hiện nay việc giao cháu Th và cháu T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị T không yêu cầu anh T1 đóng góp tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Đối với các chi phí tố tụng mà chị T đã nộp: Chị T tự nguyện chịu không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về án phí: Chị Hán Thị Minh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn” của chị Hán Thị Minh T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hán Thị Minh T;

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hán Thị Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Thế T1;

- **Về con chung:** Giao cho chị Hán Thị Minh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Phúc Th, sinh ngày 30/12/2003 và Nguyễn Phúc Thủy T2, sinh ngày 26/10/2005.

Tạm thời chị Hán Thị Minh T không yêu cầu anh Nguyễn Thế T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của anh Nguyễn Thế T1.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hán Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Hoàn trả lại cho chị Hán Thị Minh T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đã

nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, theo biên lai thu số 000740 ngày 18 tháng 7 năm 2018.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 09; quyền số 01/2003);
- Chi cục T.H.A.DS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Quyên

